



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A	01	1	7,0	01	Ưng	HP le
2	000002	1001060361	Phạm Thu	Hương	18/08/2004	KA10A	01	2	8,5	01	Huệ	Điểm
3	000003	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	01	3	4,5	01	hoài	le
4	000004	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	01	4	5,5	01	Anh	Chấn
5	000005	1001020080	Hoàng Anh	Đào	24/10/2002	KD10C	01	5	6,5	01	Đào	le
6	000006	1001020789	Trịnh Thị	Huế	11/11/2004	KD10E	01	6	7,5	01	Huệ	chấn
7	000007	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	01	7	2,0	01	Anh	le
8	000008	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	01	8	2,5	01	Anh	HP chôn
9	000009	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	01	9	8,0	01	Châu	le
10	000010	0810811035	Đỗ Thu	Giang	09/10/2002	KD9B	01					HP Vàng
11	000011	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	01					Vàng
12	000012	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	01	10	6,0	01	Bình	HP
13	000013	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B	01	11	5,0	01	Anh	le
14	000014	1001030563	Trần Thu	Hương	11/10/2004	QM10B	01	12	6,8	01	Huệ	HP Le
15	000015	1001030512	Nguyễn Thành	Dại	27/08/2004	QT10A	01	13	7,0	01	Đào	le
16	000016	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	01	14	6,5	01	le	Chấn
17	000017	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	01	15	6,5	01	Hiếu	le
18	000018	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	01	16	6,0	01	Chung	chôn
19	000019	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	01	17	6,0	01	Huệ	le
20	000020	0901010115	Đào Chí	Cường	21/05/2003	QT9B	01	18	không	01		HP chưa
21	000021	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	01	19	6,8	01	Anh	HP
22	000022	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	01	20	7,0	01	Anh	Chấn
23	000023	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	01	21	8,0	01	Anh	le
24	000024	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	01	22	6,0	01	Anh	chấn
25	000025	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	01	23	6,3	01	Huệ	le

Tổng số sinh viên dự thi: 23....

Tổng số tờ giấy thi: 23....

Tổng số biên bản: 1.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Minh Nhật

Vũ Thị Hương



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000026	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	01	24	4,8	01	Lan	chẵn
2	000027	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	01	25	4,5	01	linh	lẻ
3	000028	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	01	26	8,0	01	Linh	chẵn
4	000029	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	01	27	6,5	01	Ngọc	lẻ
5	000030	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	01	28	6,8	01	Oanh	chẵn
6	000031	1001020252	Nhâm Trần Mai	Phương	16/05/2003	KD10B	01	29	7,5	01	Phương	lẻ
7	000032	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD10C	01	30	4,3	01	Nghĩa	chẵn
8	000033	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C	01	31	4,5	01	Trâm	lẻ
9	000034	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	01	32	7,5	01	Nhung	chẵn
10	000035	1001020234	Phùng Yến	Nhi	06/09/2004	KD10E	01	33	6,8	01	Nhi	HP lẻ
11	000036	1001021042	Dương Thanh	Phương	16/09/2004	KD10E	01	34	5,0	01	Phương	chẵn
12	000037	1001021560	Nguyễn Thủy	Phương	07/08/2004	KD10E	01	35	9,0	02	Phương	lẻ
13	000038	1001021082	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/09/2004	KD10E	01	36	5,8	01	Tuyết	chẵn
14	000039	0810210213	Nguyễn Thu	Phương	30/01/2002	KD8E	01	37	5,3	01	phương	lẻ
15	000040	0901020078	Nguyễn Nhật	Minh	05/10/2002	KD9H	01	38	4,3	01	Minh	chẵn
16	000041	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	01	39	4,3	01	Minh	HP lẻ
17	000042	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	01	40	5,0	01	Thắng	chẵn
18	000043	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	01	41	4,0	01	Tùng	lẻ
19	000044	0810121052	Đàm Vi	Nhật	01/10/2001	NH8A	01	42	5,5	01	Nhật	HP chẵn
20	000045	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	01	43	6,0	01	Thuy	lẻ
21	000046	0810310878	Nguyễn Văn	Triều	30/09/2002	QT8A	01					HP
22	000047	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	01	44	4,5	01	Thép	lẻ
23	000048	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	01	45	5,3	01	Lý	HP chẵn
24	000049	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	01	46	5,5	01	Ngọc	lẻ
25	000050	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	01	47	5,0	01	Quý	chẵn
26	000051	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	01	48	5,0	01	Ngọc	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 25

Tổng số tờ giấy thi: 26

Tổng số biên bản: 0

Ngày thi: tháng 9. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tham Việt Hương

Trần Thị Trang